

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 09 – 3 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tiến Dũng – Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Trường THCS Lý thường Kiệt, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập

Bà Nguyễn Thị Mùa – Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Hội Liên hiệp phụ nữ xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Ngân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thế S, sinh năm: 1997 tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang Th (đã chết) và bà Phạm Thị Hồng Th – SN: 1963; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/11/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập ra Quyết định số 4237 áp dụng đưa vào trường giáo dưỡng số 4 thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 10/11/2014 chấp hành xong; Ngày 12/4/2015 phạm tội trộm cắp tài sản tại xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, đến ngày 10/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xử phạt 30 tháng tù theo bản án số 04/2018/HSST; Ngày 13/12/2016 phạm tội Trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xử phạt 18 tháng tù giam theo bản án số 07 ngày 30/3/2017, bị cáo đang thi hành án; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thế H, sinh ngày: 15/8/1999 tại Bình Phước (khi phạm tội bị cáo H 16 tuổi 04 tháng); Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang Th (đã chết) và bà Phạm Thị Hồng Th – SN: 1963; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

1. Ông Nhữ Công T – SN: 1954 (có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Hà Thị C – SN: 1952 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Bà Trần Thị Ngọc A (tên gọi khác: Mười)** – SN: 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp Tâm A, Xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

*** Người làm chứng:**

+ **Ông A** – SN: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế H:**

+ **Ông Đặng Thái Hoàng** – SN: 1978, là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình Lợi, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thế S và bị cáo Phạm Thế H là anh em ruột. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/5/2016, bị cáo S rủ bị cáo H đi tìm tài sản của người khác để sơ hở thì lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài thì bị cáo H đồng ý. Bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 93FA-3131 chở bị cáo S từ thôn B, xã P vào thôn B, xã P. Khi đi ngang qua nhà ông Nhữ Công T, thuộc thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thì bị cáo S phát hiện có 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số: 47F4-044.40 để bên hông nhà, bị cáo S nói bị cáo H dừng xe lại, bị cáo H đứng ngoài cảnh giới còn bị cáo S đi đến chỗ dựng chiếc xe dùng đoạn phá khóa mở ổ khóa xe rồi dắt ra ngoài. Sau đó, bị cáo S nói bị cáo H về nhà trước, còn bị cáo S điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đến xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh bán cho một người khác được số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này, bị cáo S đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 28/6/2016, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã thu giữ của bị cáo Phạm Thế H chiếc xe mô tô BKS: 93F4-3131 để phục vụ điều tra.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 42/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 26/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập, thì tại thời điểm ngày 16/5/2016 giá trị của chiếc xe mô tô biển số: 47F4-044.40 là 9.500.000 đồng;

Về vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu honda cup biển số: 93FA-3131, qua điều tra xác định được chiếc xe trên là của bị cáo Phạm Thế S. Ngày 16/5/2016 bị cáo S sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số: 47F4-044.40 do bị cáo Phạm Thế S và bị cáo Phạm Thế H trộm cắp của ông Nhữ Công T. Hiện Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nhữ Công T và bà Hà Thị C yêu cầu bị cáo Phạm Thế S, bị cáo Phạm Thế H bồi thường trị giá của chiếc xe mô tô biển số:

47F4-044.40 với số tiền 9.500.000 đồng, hiện bị cáo S và bị cáo H chưa bồi thường cho ông T số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CTr - VKS ngày 31/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38, Điều 50, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Phạm Thế S mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 30 tháng tù của bản án số 04/2018/HSST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thành hình phạt chung đối với bị cáo S, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 36, Điều 50, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Phạm Thế H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như quá trình điều tra và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế H: Trợ giúp viên pháp lý ông Đặng Thái Hoàng tại phiên tòa: Viện kiểm sát truy tố bị cáo H như cáo trạng là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo H chưa đủ 18 là người chưa thành niên tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi phạm tội bị cáo H ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo H được hưởng mức án nhẹ nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên là 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Ý kiến của người bị hại bà Hà Thị C tại phiên tòa: Tôi yêu cầu bị cáo S và bị cáo H liên đới bồi thường cho gia đình tôi số tiền 9.500.000 đồng. Tôi xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S và bị cáo H để bị cáo có điều kiện bồi thường cho tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng số: 02/CTr - VKS ngày 31/12/2017 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố đối với các bị cáo.

[2] Xét lời khai của các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, vật chứng vụ án và kết quả định giá tài sản. Đồng thời phù hợp với kết luận của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ khác được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do bản tính lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên vào ngày 16/5/2016 bị cáo Phạm Thế S rủ bị cáo Phạm Thế H đi trộm cắp tài sản thì bị cáo H đồng ý. Khi bị cáo H chở bị cáo S đến khu vực thôn B, xã P thì bị cáo S phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen của gia đình ông Nhữ Công T biển số: 47F4 – 004.40 không có người trông coi nên bị cáo H đứng ngoài cảnh giới để bị cáo S vào lấy trộm. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.500.000 đồng.

[3] Hành vi lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt tài sản của người bị hại của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo S là người đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này bị cáo S là người khởi xướng rủ rê bị cáo H là người chưa thành niên phạm tội (khi phạm tội bị cáo H chưa đủ 18 tuổi), bị cáo S có nhân thân xấu: Ngày 05/11/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập ra Quyết định số 4237 áp dụng đưa vào trường giáo dưỡng số 4 thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 10/11/2014 chấp hành xong; Ngày 13/12/2016 phạm tội Trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xử phạt 18 tháng tù giam theo bản án số 07 ngày 30/3/2017, bị cáo đang thi hành án; Ngày 12/4/2015 phạm tội trộm cắp tài sản tại xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, ngày 10/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xử phạt 12 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù theo bản án số 07 ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành hình phạt chung 30 tháng tù, nhưng bị cáo S không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho xã hội mà bị cáo còn tiếp tục phạm tội, bị cáo còn pH chịu tình tiết tăng nặng là xúi giục người chưa thành niên phạm tội theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, chứng tỏ bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên cần xử phạt bị cáo S mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo S là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H, bị cáo H là người đứng ngoài cảnh giới, chứng tỏ bị cáo H là đồng phạm với vai trò giúp sức để bị cáo S trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy bị cáo S pH chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo H.

[6] Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều khoản quy định của pháp luật.

[7] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo H phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, người bị hại cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét đối với bị cáo H chỉ cần xử phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập.

[8] Đối với Trần Thị Ngọc A trong quá trình điều tra không chứng minh được A mua bán xe với bị cáo S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo H là có căn cứ, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại ông Nhữ Công T và bà Hà Thị C yêu cầu bị cáo S và bị cáo H pH liên đới bồi thường giá trị chiếc xe các bị cáo đã trộm cắp 9.500.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[11] *Về vật chứng vụ án:* Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Cup, biển số: 93FA – 3131 là của bị cáo S sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số: 47F4 – 004.40 mà bị cáo S và bị cáo H trộm cắp chưa thu hồi được, do đó cơ quan cảnh sát điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] An phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[13] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo H đã thực hiện đúng và đầy đủ các hành vi tố tụng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; người bị hại ông Nhữ Công T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38, Điều 50, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thế S 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 30 tháng tù của bản án số 04/2018/HSST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thành hình phạt chung đối với bị cáo S, buộc bị cáo S pH chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 36, Điều 50, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 100 chương XII của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thế H 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định Thi hành án.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã P giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành án cải tạo không giam giữ.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015

Buộc bị cáo S và bị cáo H pH liên đới bồi thường cho người bị hại ông Nhữ Công T và bà Hà Thị C số tiền là 9.500.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường số tiền 4.750.000 đồng).

3/ Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô hiệu Honda Cup, biển số: 93FA – 3131, số khung: C50-9438465, số máy: C50E-9438199, nhãn hiệu Honda C50, màu S xanh, tình trạng xe hoàn chỉnh cùng thông số kỹ thuật.

4/ An phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phạm Thế S và Phạm Thế H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Bị cáo; Người bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa